

Bản án số: 1013/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 30-7-2018
V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đăng Tân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Tuyết

2. Ông Võ Thành Viên

- Thư ký phiên tòa: Ông Mai Diệp Tuấn

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh: Không tham gia.

Ngày 30 tháng 7 năm 2018 tại Phòng xét xử dân sự, trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1682/2017/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2017, về việc: Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 270/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đặng Hồng T, sinh năm 1964; địa chỉ: Đường T, phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

Bị đơn: Ông Khổng Văn T, sinh năm 1959; địa chỉ: Đường T, phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/12/2017 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đặng Hồng T trình bày:

Bà và ông Khổng Văn T kết hôn vào năm 1984, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường M, thị xã L, tỉnh An Giang theo Giấy công nhận kết hôn số 173, quyển số 0I, ngày 30/11/1984. Quá trình chung sống có một người con tên Khổng Thị Thúy U, sinh ngày 02/01/1987.

Mâu thuẫn phát sinh từ năm 2015, nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp, quan điểm sống khác nhau, mâu thuẫn vợ chồng liên tục xảy ra. Mặc dù hai bên đã nỗ lực hàn gắn, giải quyết các mâu thuẫn để gia đình sống hạnh phúc nhưng không có kết quả, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Đôi bên đã ly thân từ tháng 6 năm 2016 cho đến nay. Nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc gia đình không thể hàn gắn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên yêu cầu được ly hôn với ông Không Văn T.

Về con chung: Đã trưởng thành.

Về chia tài sản khi ly hôn: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Không Văn T trình bày:

Việc bà T trình bày là không đúng, mâu thuẫn vợ chồng ông chỉ xuất hiện từ năm 2017, thời gian trước đó ông và bà T vẫn sống vợ chồng bình thường đến tháng 12/2017 mới ly thân. Việc mâu thuẫn phát sinh là do ông chưa giải quyết dứt điểm việc có con riêng. Do giữa ông và bà T hoàn toàn không có mâu thuẫn gì nghiêm trọng nên ông không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông và bà T có một người con tên Không Thị Thúy U, sinh ngày 02/01/1987.

Về chia tài sản khi ly hôn: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn không đồng ý ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 04/12/2017 của bà Đặng Hồng T thì đây là tranh chấp về ly hôn và là loại vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

Hôn nhân giữa bà Đặng Hồng T và ông Không Văn T là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo giấy chứng nhận kết hôn số 173, quyển số 01, ngày 30/11/1984 của Ủy ban nhân dân phường M, thị xã L, tỉnh An Giang.

Bà T cho rằng: Vợ chồng luôn bất đồng quan điểm, mâu thuẫn kéo dài, hiện không còn tình cảm và không thể hàn gắn mà nguyên nhân chính là ông T có quan hệ với một người phụ nữ khác và đã có con riêng. Còn ông T cho rằng cuộc sống vợ chồng vẫn bình thường, mâu thuẫn phát sinh là do ông chưa giải quyết dứt điểm việc có con riêng.

Qua xem xét lời khai của đôi bên đều thể hiện trong cuộc sống vợ chồng giữa bà T và ông T có những mâu thuẫn mà cho đến nay vẫn không thể giải quyết được đó chính là việc ông T có quan hệ với một người phụ nữ khác và đã có con riêng mà ông T đã thừa nhận trước tòa. Hành vi này của ông T đã vi phạm chế độ hôn nhân và gia đình quy định tại điểm c khoản 2 Điều 5 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng bà T vẫn cương quyết ly hôn vì cho rằng: Trước đây, bà đã làm đơn yêu cầu ly hôn, qua hoà giải tại Tòa án bà đã rút đơn, nhưng vợ chồng cũng không thể hàn gắn và tiếp tục chung sống, đôi bên đã có thời gian sống riêng biệt và điều quan trọng hơn cả là tình cảm của bà đối với ông T không còn dẫn đến trong gia đình thường xuyên cãi vã, không còn yêu thương, quý trọng, giúp đỡ, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và chăm lo cho cuộc sống gia đình. Về phía ông T mong muốn đoàn tụ, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án lại không đưa biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Xét thấy, hôn nhân chỉ đạt được mục đích khi xuất phát từ tình thương yêu giữa hai vợ chồng, cùng vun đắp, chăm sóc lẫn nhau để xây dựng một gia đình hạnh phúc, nhưng chính ông T đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình là có cơ sở.

Về con chung: Trong quá trình chung sống bà T và ông T có một người con tên Không Thị Thúy U, sinh ngày 02/01/1987 hiện đã trên 18 tuổi. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

Về chia tài sản chung khi ly hôn: Nguyên đơn và bị đơn không có yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử tách ra để giải quyết bằng một vụ án khác nếu sau này các đương sự có yêu cầu.

[3] Về án phí:

Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Đặng Hồng T, sinh năm 1964 ly hôn với ông Khổng Văn T, sinh năm 1959.

Giấy công nhận kết hôn số 173, quyền số 0I ngày 30/11/1984 của Ủy ban nhân dân phường M, thị xã L, tỉnh An Giang hết hiệu lực.

2. Về án phí:

Bà Đặng Hồng T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2017/0028189 ngày 15/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp; bà T đã nộp đủ án phí.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q. Gò Vấp;
- Chi cục THADS Q. Gò Vấp;
- UBND phường M, TX. LX, T. AG;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Trần Đăng Tân